

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST

Ngày 03-8-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lữ Thị P, sinh năm 1984 (Lữ Thị P, sinh năm 1983 - Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Tạ Văn B, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2022, chị Lữ Thị P trình bày: Vào ngày 16/8/2005 chị và anh Tạ Văn B kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống từ tháng 4/2021 thì giữa chị và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên cự cãi mà không đoàn tụ được. Vì cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh B không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tạ Văn B. Về con chung, có hai người tên là Tạ Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006 và Tạ Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 19 tháng 01 năm 2016, con chung hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai người con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Tạ Văn B trình bày: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn đúng như chị P đã khai. Vì không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh và chị P đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Do đó, chị P yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Con chung, anh chấp nhận giao cả hai người con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P ly hôn với anh B. Giao hai người con chung tên là Tạ Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006 và Tạ Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 19 tháng 01 năm 2016 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, buộc chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc chị Lữ Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tạ Văn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Tạ Văn B cư trú tại ấp R, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lữ Thị P vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lữ Thị P đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, chị Lữ Thị P và anh Tạ Văn B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa chị Lữ Thị P và anh Tạ Văn B là hôn nhân hợp pháp. Chị P và anh B đều thừa nhận quá trình chung sống giữa chị P và anh B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị P và anh B đã không hàn gắn, đoàn tụ được và sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Tại

phiên tòa, anh B cũng đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của chị P. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị Lữ Thị P ly hôn với anh Tạ Văn B là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị P yêu cầu được nuôi cả hai người con chung tên là Tạ Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006 và Tạ Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 19 tháng 01 năm 2016. Anh B đồng ý giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung, hiện chị P là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, do đó nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Từ đó, giao cả hai người con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị P không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Chị Lữ Thị P và anh Tạ Văn B xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Lữ Thị P phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lữ Thị P ly hôn với anh Tạ Văn B.

2. Về con chung, giao chị Lữ Thị P trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên là Tạ Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006 và Tạ Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 19 tháng 01 năm 2016. Anh Tạ Văn B không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tạ Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Lữ Thị P phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017545, ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên chị Lữ Thị P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ